

Số: 879/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày 05 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt các Quy trình dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế xây dựng và quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 569/SNN-TCCB ngày 23/3/2022 và đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này bảy (07) quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Trên cơ sở các dịch vụ công trực tuyến đã được phê duyệt, trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông theo chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp tổ chức xây dựng, chạy thử nghiệm, hoàn thiện các dịch vụ công trực tuyến trên cổng dịch vụ công của tỉnh và tích hợp lên cổng dịch vụ công Quốc gia; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Trong đó:

1. Căn cứ vào mức độ bảo đảm an toàn của các giải pháp xác thực danh tính điện tử tổ chức, cá nhân trên Chức năng đăng ký, đăng nhập tài khoản của Cổng

dịch vụ công Quốc gia được tích hợp, kết nối với Cổng dịch vụ công của tỉnh để lựa chọn, xác định phương thức xác thực điện tử bằng tài khoản đăng ký, đăng nhập hoặc thực hiện ký số hoặc bằng giải pháp xác thực khác đối với biểu mẫu điện tử (e-form), hồ sơ bản điện tử (file) theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP; đồng thời đăng tải, hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân ngay trên dịch vụ công trực tuyến được cung cấp.

2. Xây dựng mẫu kết quả thủ tục hành chính (TTHC) bản điện tử để đồng thời trả kết quả bản điện tử cho tổ chức, cá nhân tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 14 và Điều 16 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

3. Đăng tải số điện thoại và hộp thư điện tử của đơn vị đầu mối thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kèm theo từng dịch vụ công trực tuyến được cung cấp để tổ chức, cá nhân liên hệ khi cần được hướng dẫn, hỗ trợ.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm:

1. Áp dụng quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến được phê duyệt tại Quyết định này thay cho các quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành theo hướng dẫn tại Công văn số 1388/UBND-KSTT ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh về việc xây dựng quy trình tin học hóa giải quyết TTHC.

2. Lập Danh sách đăng ký tài khoản cho cán bộ, công chức, viên chức được phân công thực hiện các bước xử lý công việc quy định tại các quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến ban hành kèm theo Quyết định này, gửi Sở Thông tin và Truyền thông để thiết lập cấu hình điện tử; đồng thời tổ chức thực hiện việc cập nhật thông tin, dữ liệu về tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, trả kết quả thủ tục hành chính lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh theo quy định.

3. Tổ chức thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết TTHC đang được quản lý, lưu giữ bằng văn bản giấy sang dữ liệu điện tử để tích hợp, chia sẻ, khai thác theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục KS TTHC-VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; (để biết)
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, Phòng KT;
- Bộ phận 1 cửa tại TTHCC;
- Lưu: VT, TDNV, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đoàn Ngọc Lâm

Phụ lục

QUY TRÌNH THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4 LĨNH VỰC THỦY SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH VÀ SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 879/QĐ/UBND ngày 05 tháng 4 năm 2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình)

Phần I

DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4

STT	Tên dịch vụ công	Mức độ dịch vụ công trực tuyến	Trang
I	Quy trình dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
1	Thủ tục công bố mở cảng cá loại 2	4	2
II	Quy trình dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
2	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	4	7
3	Thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	4	12
4	Thủ tục xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước Quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loại thủy sản nguy cấp, quý hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	4	21
5	Thủ tục xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước Quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loại thủy sản nguy cấp, quý hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	4	26
6	Thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	4	34
7	Thủ tục cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản	4	46

Phần II**QUY TRÌNH THỰC HIỆN DỊCH CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4****I. QUY TRÌNH DỊCH CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4 THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH VÀ SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****Quy trình số: 01.TTCCTS-SNN****QUY TRÌNH THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4 ĐỐI VỚI THỦ TỤC CÔNG BỐ MỞ CẢNG CÁ LOẠI 2***Áp dụng chung tại các cơ quan: UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, Chi cục Thủy sản Quảng Bình.*

Quy trình	Đối tượng thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Nộp hồ sơ	Người nộp hồ sơ	<p>I. Nộp hồ sơ trực tuyến:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Truy nhập Cổng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) trên mạng internet tại địa chỉ: https://dichvucong.quangbinh.gov.vn. 2. Đăng ký/ Đăng nhập vào Hệ thống. 3. Chọn cơ quan thực hiện là Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và PTNT. Tại danh sách dịch vụ công lựa chọn dịch vụ công “Thủ tục công bố mở cảng cá loại 2”. 4. Cập nhật, số hóa đầy đủ các thành phần hồ sơ, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị công bố mở cảng cá theo Mẫu số 09.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (biểu mẫu điện tử); - Văn bản cho phép đầu tư xây dựng cảng cá (bản chụp/bản scan); - Nội quy, phương án khai thác cảng cá của cảng cá (bản chụp) (bản chụp/bản scan); - Quyết định thành lập Tổ chức quản lý cảng cá (bản chụp) (bản chụp/bản scan); - Biên bản nghiệm thu công trình cảng cá đã hoàn thành xây dựng đưa vào sử dụng kèm theo bản vẽ hoàn công (bản chụp/bản scan); 	

		<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo hàng hải về luồng của cảng và vùng nước trước cầu cảng (<i>bản sao chụp/bản scan</i>); - Văn bản kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (<i>bản chụp/bản scan</i>); - Văn bản nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy (<i>bản chụp/bản scan</i>). <p>5. Hồ sơ điện tử gửi dưới hình thức khai báo thông tin trên biểu mẫu điện tử (e-form) được cung cấp sẵn hoặc đăng tải các giấy tờ, tài liệu điện tử hợp lệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp thành phần hồ sơ có yêu cầu nộp bản điện tử có chữ ký số xác thực: Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và PTNT có nội dung hướng dẫn để công khai ngay trên dịch vụ công trực tuyến được cung cấp, trường hợp bản điện tử chưa có ký số thì hướng dẫn việc đối chiếu hoặc nộp trực tiếp hồ sơ gốc khi đến nhận kết quả hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích. <p>6. Đăng ký hình thức nhận kết quả thủ tục hành chính (TTHC): Trực tuyến/hoặc trực tiếp/hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>7. Đăng ký hình thức nhận thông báo về tình hình giải quyết hồ sơ: Thư điện tử (email) /hoặc tin nhắn qua mạng xã hội (Zalo)/hoặc tin nhắn SMS trên điện thoại di động.</p> <p>8. Người nộp hồ sơ được cấp mã để tra cứu tình trạng giải quyết hồ sơ trực tuyến có liên quan.</p> <p>9. Trong quá trình thực hiện dịch vụ công, tổ chức, cá nhân có thể liên hệ qua số điện thoại và hộp thư điện tử của Chi cục Thủy sản được đăng tải kèm theo quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến này để được hướng dẫn, hỗ trợ.</p> <p>II. Nộp hồ sơ trực tiếp:</p> <p>Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và PTNT (<i>Số 03 đường Lê Thành Đông, phường Hải Thành, TP. Đồng Hới, Quảng Bình</i>) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích theo thành phần hồ sơ và hướng dẫn nêu trên.</p>	
Bước 1	Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa	<p>1. Kiểm tra, hoàn thiện thông tin của người nộp hồ sơ. Xác nhận hình thức nộp hồ sơ: Trực tuyến/hoặc trực tiếp/hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>2. Kiểm tra thành phần hồ sơ điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, cập nhật, lưu trữ hồ sơ điện tử; chuyển chuyên viên Phòng chuyên môn trực tiếp xử lý, giải quyết hồ sơ; gửi Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ: Tham mưu Lãnh đạo Chi cục gửi thông báo cho người nộp, hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu qua Bộ phận một cửa. 	02 giờ làm việc

Bước 2	Cán bộ phòng chuyên môn	Xem xét, thẩm định, giải quyết hồ sơ hành chính điện tử theo quy định của pháp luật. - Tham mưu Lãnh đạo Phòng chuyên môn để tham mưu Lãnh đạo Chi cục phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức khảo sát thực tế cảng cá. - Trên cơ sở kết quả khảo sát, nếu đủ điều kiện theo quy định: Tổng hợp toàn bộ hồ sơ và tham mưu dự thảo Quyết định công bố mở cảng cá của UBND tỉnh trình Lãnh đạo Phòng chuyên môn. - Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định: Tham mưu văn bản trả lời, nêu rõ lý do và chuyển trả lại hồ sơ cho cán bộ tiếp nhận tại Bộ phận một cửa của Chi cục Thủy sản.	02 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn	Xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục. - Trường hợp chấp thuận: Trình Lãnh đạo Chi cục xem xét, ký nháy. - Trường hợp không chấp thuận: Trả kết quả xử lý, yêu cầu chuyên viên thụ lý hồ sơ xử lý lại.	02 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục	Ký duyệt hồ sơ và chuyển cho chuyên viên phụ trách - Trường hợp chấp thuận: Ký nháy, trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt và chuyển lại Chi cục Thủy sản. - Trường hợp không chấp thuận: Trả kết quả xử lý, yêu cầu Lãnh đạo chuyên môn xem xét, xử lý lại.	04 giờ làm việc
Bước 5	Cán bộ phòng chuyên môn Chi cục	Chuyển Văn thư vào sổ văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Văn phòng UBND tỉnh tại Trung tâm Hành chính công tỉnh (TTHCC tỉnh)	02 giờ làm việc
Bước 6	Cán bộ tiếp nhận hồ sơ của Văn phòng UBND tỉnh tại TTHCC tỉnh	Chuyển hồ sơ, kết quả liên thông cho chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ làm việc
Bước 7	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	Kiểm tra, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh và UBND tỉnh quyết định.	03 ngày làm việc
Bước 8	Cán bộ tiếp nhận hồ sơ của Văn phòng UBND tỉnh tại TTHCC tỉnh	Xác nhận trên phần mềm kết quả TTHC đã có tại Trung tâm Hành chính công tỉnh và chuyển kết quả cho Chi cục Thủy sản.	02 giờ làm việc

Bước 9	Cán bộ phòng chuyên môn Chi cục	Nhận kết quả và chuyển Bộ phận một cửa của Chi cục.	02 giờ làm việc
Bước 10	Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa	- Xác nhận kết quả chờ trả và thông báo cho cá nhân, tổ chức đã có kết quả TTHC theo hình thức đã đăng ký. - Gửi thông tin cho Sở Nông nghiệp và PTNT để thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng Quyết định công bố mở cảng cá loại 2.	01 ngày làm việc
Nhận kết quả	Người nộp hồ sơ	- Xuất trình đối chiếu hoặc nộp bản giấy các hồ sơ, văn bản điện tử có yêu cầu xác thực bằng chữ ký số nhưng chưa được ký số khi đến nhận kết quả hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nhận kết quả TTHC: Trực tuyến/ hoặc trực tiếp /hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Đồng thời nhận kết quả TTHC bản điện tử tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công.	Không tính vào thời gian giải quyết
		Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính	08 ngày làm việc

*** Đính kèm các biểu mẫu:**

Mẫu số 09.TC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ MỞ CẢNG CÁ**

Kính gửi:.....

Ban quản lý cảng cá:.....

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại: Số Fax

Đề nghị được công bố mở cảng cá:

Thuộc xã (phường): huyện (quận):.....

Tỉnh (thành phố):.....

1. Tên cảng, loại cảng cá:.....

2. Địa chỉ, vị trí tọa độ của cảng cá:.....

3. Vị trí điểm đầu của luồng, độ sâu, chiều rộng luồng vào cảng:.....

4. Độ sâu vùng nước đậu tàu, chiều dài cầu cảng:.....

5. Cỡ, loại tàu cá lớn nhất có thể cập cảng:.....

6. Năng lực bốc dỡ hàng hoá và các dịch vụ nghề cá của cảng cá:.....

7. Thời gian cảng cá bắt đầu hoạt động:.....

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về cảng cá và pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIÁM ĐỐC*(Ký tên, đóng dấu)*

II. QUY TRÌNH DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4 THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Quy trình số: 02.TTCCTS-SNN

QUY TRÌNH THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4 ĐỐI VỚI THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÁ

Áp dụng tại cơ quan: Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Quy trình	Đối tượng thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Nộp hồ sơ	Người nộp hồ sơ	<p>I. Nộp hồ sơ trực tuyến:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Truy nhập Cổng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) trên mạng internet tại địa chỉ: https://dichvucong.quangbinh.gov.vn. 2. Đăng ký/ Đăng nhập vào Hệ thống. 3. Chọn cơ quan thực hiện là Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và PTNT. Tại danh sách dịch vụ công lựa chọn dịch vụ công “Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá”. 4. Cập nhật, số hóa đầy đủ các thành phần hồ sơ, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá theo Mẫu số 08.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT (<i>biểu mẫu điện tử</i>); - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, hợp đồng đóng tàu, biên bản nghiệm thu xuất xưởng (<i>bản chụp/bản scan</i>); - Bản sao có chứng thực các giấy tờ đối với tàu nhập khẩu, thuê tàu trần từ nước ngoài về cảng đầu tiên của Việt Nam, gồm: văn bản cho phép nhập khẩu hoặc thuê tàu trần, giấy chứng nhận xóa đăng ký đối với trường hợp tàu cá đã qua sử dụng, hợp đồng đóng tàu và thanh lý hợp đồng đóng tàu đối với tàu đóng mới, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật hoặc giấy chứng nhận phân cấp còn hiệu lực từ 06 tháng trở lên do tổ chức đăng kiểm nước có tàu cấp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với trường hợp chủ tàu là tổ chức, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với chủ tàu là cá nhân (<i>bản chụp/bản scan</i>); 	

		<p>- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu) (<i>tệp tin chứa ảnh</i>).</p> <p>5. Hồ sơ điện tử gửi dưới hình thức khai báo thông tin trên biểu mẫu điện tử (e-form) được cung cấp sẵn hoặc đăng tải các giấy tờ, tài liệu điện tử hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp thành phần hồ sơ có yêu cầu nộp bản điện tử có chữ ký số xác thực: Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và PTNT có nội dung hướng dẫn để công khai ngay trên dịch vụ công trực tuyến được cung cấp, trường hợp bản điện tử chưa có ký số thì hướng dẫn việc đối chiếu hoặc nộp trực tiếp hồ sơ gốc khi đến nhận kết quả hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>6. Đăng ký hình thức nhận kết quả thủ tục hành chính (TTHC): Trực tuyến/hoặc trực tiếp/hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>7. Đăng ký hình thức nhận thông báo về tình hình giải quyết hồ sơ: Thư điện tử (email) /hoặc tin nhắn qua mạng xã hội (Zalo)/hoặc tin nhắn SMS trên điện thoại di động.</p> <p>8. Người nộp hồ sơ được cấp mã để tra cứu tình trạng giải quyết hồ sơ trực tuyến có liên quan.</p> <p>9. Trong quá trình thực hiện dịch vụ công, tổ chức, cá nhân có thể liên hệ qua số điện thoại và hộp thư điện tử của Chi cục Thủy sản được đăng tải kèm theo quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến này để được hướng dẫn, hỗ trợ.</p> <p>II. Nộp hồ sơ trực tiếp:</p> <p>Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và PTNT (<i>Số 03 đường Lê Thành Đồng, phường Hải Thành, TP. Đồng Hới, Quảng Bình</i>) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích theo thành phần hồ sơ và hướng dẫn nêu trên.</p>	
<p>Bước 1</p>	<p>Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa</p>	<p>1. Kiểm tra, hoàn thiện thông tin của người nộp hồ sơ. Xác nhận hình thức nộp hồ sơ: Trực tuyến/hoặc trực tiếp/hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>2. Kiểm tra thành phần hồ sơ điện tử:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, cập nhật, lưu trữ hồ sơ điện tử; chuyển chuyên viên Phòng chuyên môn trực tiếp xử lý, giải quyết hồ sơ; gửi Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ: Tham mưu lãnh đạo Chi cục gửi thông báo cho người nộp, hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu qua Bộ phận một cửa.</p>	<p>04 giờ làm việc</p>

Bước 2	Chuyên viên phòng chuyên môn	Xem xét, thẩm định, giải quyết hồ sơ hành chính điện tử theo quy định của pháp luật. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Tổng hợp toàn bộ hồ sơ và tham mưu dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá theo Mẫu số 09.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT trình Lãnh đạo phòng chuyên môn. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Tham mưu văn bản trả lời, nêu rõ lý do và chuyển trả lại hồ sơ cho cán bộ tiếp nhận tại Bộ phận một cửa của Chi cục Thủy sản.	04 giờ làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn	Xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục. - Trường hợp chấp thuận: Trình lãnh đạo Chi cục xem xét, ký duyệt. - Trường hợp không chấp thuận: Trả kết quả xử lý, yêu cầu chuyên viên thụ lý hồ sơ xử lý lại.	04 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục	Ký duyệt hồ sơ và chuyển cho chuyên viên phụ trách - Trường hợp chấp thuận: Ký duyệt, trả kết quả Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá. - Trường hợp không chấp thuận: Trả kết quả xử lý, yêu cầu Lãnh đạo chuyên môn xem xét, xử lý lại.	01 ngày làm việc
Bước 5	Cán bộ phòng chuyên môn	Nhận kết quả và chuyển Bộ phận một cửa của Chi cục.	02 giờ làm việc
Bước 6	Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa	Xác nhận kết quả chờ trả và thông báo cho cá nhân, tổ chức đã có kết quả TTHC theo hình thức đã đăng ký.	02 giờ làm việc
Nhận kết quả	Người nộp hồ sơ	- Xuất trình đối chiếu hoặc nộp bản giấy các hồ sơ, văn bản điện tử có yêu cầu xác thực bằng chữ ký số nhưng chưa được ký số khi đến nhận kết quả hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nhận kết quả TTHC: Trực tuyến/ hoặc trực tiếp /hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Đồng thời nhận kết quả TTHC bản điện tử tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công.	Không tính vào thời gian giải quyết
Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính			03 ngày làm việc

*** Đính kèm các biểu mẫu:**

Mẫu số 08.ĐKT (Phụ lục VII)
MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÁ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÁ
Declaration for temporary registration of fishing vessel/ships duty fisheries

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp đăng ký tàu cá)

To: (Name of competent authority registration of fishing vessel, ships duty fisheries)

Người đề nghị:

Applicant

Nơi thường trú:

Residential Address:

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá với nội dung dưới đây: *Kindly for temporary registration of fishing vessel/ships duty fisheries^(*) with the following particulars:*

1. Các thông số kỹ thuật cơ bản của tàu:

Basic specifications of ship

Tên tàu:

Name of Vessel

Hồ hiệu:

Call sign

Kiểu tàu:

Type of Vessel

Vật liệu:

Materials

Công dụng/ngành:

.....

.....

Used for/fishing gears

Năm và nơi đóng

.....

.....

Year and Place of Build

Chiều dài lớn nhất L_{max}

.....

Length overall

Chiều rộng lớn nhất B_{max}

.....

Breadth overall

Chiều cao mạn D

Draught

Tổng dung tích:

Gross tonage (GT)

Số lượng máy

Number of engines

Chiều dài thiết kế L_{tk}

.....

Length

Chiều rộng thiết kế B_{tk}

.....

Breadth

Chiều chìm d

Depth

Trọng tải:

Deadweight (DW)

Tổng công suất

Total Power

Kiểu máy <i>Type</i>	Số máy <i>Number</i>	Công suất <i>Power</i>	Năm và nơi chế tạo <i>Year and place of manufacture</i>

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

The name, address and value of shares of each ownership

TT	Họ và tên <i>Full name</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Chứng minh nhân dân <i>Identification card</i>

1. Lý do xin đăng ký tạm thời tàu:

.....

Reasons to temporary registration of ship

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

I pledge to use the vessel in accordance with the registered content and strictly comply with the provisions of the law of the Vietnamese.

....., ngày tháng năm

.....,Date.....

CHỦ TÀU

Shipowner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

Ghi chú (note):

* Gạch bỏ chỗ không phù hợp.

Remove the wrong place

** - Cơ quan quản lý thủy sản của tỉnh là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*the provincial fisheries management agency is the Agriculture and Rural Development Department*)

- Cơ quan quản lý thủy sản trung ương là Tổng cục Thủy sản (*the central fisheries management agency is the Directorate of Fisheries*).

Quy trình số: 03.TTCCTS-SNN

QUY TRÌNH THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4 ĐỐI VỚI THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THỨC ĂN THỦY SẢN, SẢN PHẨM XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN (TRỪ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI, TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI)

Áp dụng tại cơ quan: Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Quy trình	Đối tượng thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	
			Cấp mới	Cấp lại
Nộp hồ sơ	Người nộp hồ sơ	<p>I. Nộp hồ sơ trực tuyến:</p> <p>1. Truy nhập Cổng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) trên mạng internet tại địa chỉ: https://dichvucong.quangbinh.gov.vn.</p> <p>2. Đăng ký/ Đăng nhập vào Hệ thống.</p> <p>3. Chọn cơ quan thực hiện là Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và PTNT. Tại danh sách dịch vụ công lựa chọn dịch vụ công <i>“Thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)”</i>.</p> <p>4. Cập nhật, số hóa đầy đủ các thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất theo Mẫu số 11.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (đối với trường hợp Giấy chứng nhận và trường hợp cấp lại) (<i>biểu mẫu điện tử</i>); - Bản thuyết minh điều kiện cơ sở sản xuất theo Mẫu số 12.NT ban hành kèm theo Phụ lục III Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (đối với trường hợp Giấy chứng nhận) (<i>bản chụp/bản scan</i>); - Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân trong Giấy chứng nhận (đối với trường hợp đề nghị cấp lại) (<i>bản chụp/bản scan</i>); 		

		<p>- Bản chính Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã được cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất (đối với trường hợp đề nghị cấp lại) (<i>bản chụp/bản scan</i>).</p> <p>5. Hồ sơ điện tử gửi dưới hình thức khai báo thông tin trên biểu mẫu điện tử (e-form) được cung cấp sẵn hoặc đăng tải các giấy tờ, tài liệu điện tử hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp thành phần hồ sơ có yêu cầu nộp bản điện tử có chữ ký số xác thực: Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và PTNT có nội dung hướng dẫn để công khai ngay trên dịch vụ công trực tuyến được cung cấp, trường hợp bản điện tử chưa có ký số thì hướng dẫn việc đối chiếu hoặc nộp trực tiếp hồ sơ gốc khi đến nhận kết quả hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>6. Đăng ký hình thức nhận kết quả thủ tục hành chính (TTHC): Trực tuyến/hoặc trực tiếp/hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>7. Đăng ký hình thức nhận thông báo về tình hình giải quyết hồ sơ: Thư điện tử (email)/hoặc tin nhắn qua mạng xã hội (Zalo)/hoặc tin nhắn SMS trên điện thoại di động.</p> <p>8. Người nộp hồ sơ được cấp mã để tra cứu tình trạng giải quyết hồ sơ trực tuyến có liên quan.</p> <p>9. Trong quá trình thực hiện dịch vụ công, tổ chức, cá nhân có thể liên hệ qua số điện thoại và hộp thư điện tử của Chi cục Thủy sản được đăng tải kèm theo quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến này để được hướng dẫn, hỗ trợ.</p> <p>II. Nộp hồ sơ trực tiếp:</p> <p>Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và PTNT (<i>Số 03 đường Lê Thành Đông, phường Hải Thành, TP. Đồng Hới, Quảng Bình</i>) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích theo thành phần hồ sơ và hướng dẫn nêu trên.</p>		
Bước 1	Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa	<p>1. Kiểm tra, hoàn thiện thông tin của người nộp hồ sơ. Xác nhận hình thức nộp hồ sơ: Trực tuyến/hoặc trực tiếp/hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>2. Kiểm tra thành phần hồ sơ điện tử:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, cập nhật, lưu trữ hồ sơ điện tử; chuyển chuyên viên Phòng chuyên môn trực tiếp xử lý, giải quyết hồ sơ; gửi Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.</p>	04 giờ làm việc	04 giờ làm việc

		- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ: Tham mưu lãnh đạo Chi cục gửi thông báo cho người nộp, hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu qua Bộ phận một cửa.		
Bước 2	Cán bộ phòng chuyên môn	Xem xét, thẩm định, giải quyết hồ sơ hành chính điện tử theo quy định của pháp luật. * Đối với cấp mới: Tham mưu Lãnh đạo Phòng chuyên môn để tham mưu Lãnh đạo Chi cục tổ chức kiểm tra điều kiện cơ sở sản xuất. * Đối với cấp lại: Không thực hiện kiểm tra điều kiện cơ sở sản xuất	6,5 ngày làm việc	
		- Trên cơ sở kết quả kiểm tra hồ sơ, thực tế, nếu đủ điều kiện theo quy định: Tổng hợp toàn bộ hồ sơ và dự thảo Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện theo Mẫu số 14.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP trình lãnh đạo Phòng chuyên môn. - Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định: Tham mưu văn bản trả lời, nêu rõ lý do và chuyển trả lại hồ sơ cho cán bộ tiếp nhận tại Bộ phận một cửa của Chi cục Thủy sản.	04 giờ làm việc	04 giờ làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn	Xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục. - Trường hợp chấp thuận: Trình lãnh đạo Chi cục xem xét, ký duyệt. - Trường hợp không chấp thuận: Trả kết quả xử lý, yêu cầu chuyên viên thụ lý hồ sơ xử lý lại.	04 giờ làm việc	04 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục	Ký duyệt hồ sơ và chuyển cho chuyên viên phụ trách - Trường hợp chấp thuận: Ký duyệt, trả kết quả Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản. - Trường hợp không chấp thuận: Trả kết quả xử lý, yêu cầu Lãnh đạo chuyên môn xem xét, xử lý lại.	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc
Bước 5	Cán bộ phòng chuyên môn	Nhận kết quả và chuyển Bộ phận một cửa của Chi cục.	04 giờ làm việc	02 giờ làm việc
Bước 6	Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa	Xác nhận kết quả chờ trả và thông báo cho cá nhân, tổ chức đã có kết quả TTHC theo hình thức đã đăng ký.	04 giờ làm việc	02 giờ làm việc

Nhận kết quả	Người nộp hồ sơ	<p>- Xuất trình đối chiếu hoặc nộp bản giấy các hồ sơ, văn bản điện tử có yêu cầu xác thực bằng chữ ký số nhưng chưa được ký số khi đến nhận kết quả hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản. Cụ thể:</p> <p>+ Mức thu phí: 5.700.000 đồng/lần (có hoạt động sản xuất).</p> <p>- Nhận kết quả TTHC: Trực tuyến/ hoặc trực tiếp /hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Đồng thời nhận kết quả TTHC bản điện tử tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công.</p>	Không tính vào thời gian giải quyết	Không tính vào thời gian giải quyết
		Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính	10 ngày làm việc	03 ngày làm việc

** Đính kèm các biểu mẫu:*

Mẫu số 11.NT**TÊN CƠ SỞ****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT****Thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**

Kính gửi: Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Bình.

1. Tên cơ sở:.....

- Địa chỉ:

- Số điện thoại:..... Số Fax: E-mail:

2. Lĩnh vực công nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản:

Thức ăn thủy sản- Thức ăn hỗn hợp - Thức ăn bổ sung - Nguyên liệu - Sản phẩm khác **Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**- Chế phẩm sinh học - Hóa chất xử lý môi trường - Hỗn hợp khoáng, vitamin, ... - Nguyên liệu

3. Hồ sơ và tài liệu kèm theo giấy này, gồm:

.....

4. Đăng ký cấp lần đầu: Đăng ký cấp lại:

Chúng tôi cam kết thực hiện các quy định về điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

....., ngày tháng..... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 12.NT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT
Thực ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản
(Kèm theo đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện
sản xuất thực ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản
sốngàythángnăm.....)

1. Tên cơ sở:.....
 - Địa chỉ sản xuất:
 - Số điện thoại: Số fax:E-mail:.....
 2. Sản phẩm dự kiến sản xuất:

 3. Giấy chứng nhận hệ thống phù hợp tiêu chuẩn (kèm theo bản sao có xác nhận của cơ sở)
- | | | |
|---|-----------------------------|--------------------------------|
| - Thực hành sản xuất tốt (GMP) | Có <input type="checkbox"/> | Không <input type="checkbox"/> |
| - Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP) | Có <input type="checkbox"/> | Không <input type="checkbox"/> |
| - Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (ISO 22000) | Có <input type="checkbox"/> | Không <input type="checkbox"/> |
| - Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) | Có <input type="checkbox"/> | Không <input type="checkbox"/> |
| - Hệ thống khác: | Có <input type="checkbox"/> | Không <input type="checkbox"/> |
4. Thuyết minh chi tiết điều kiện sản xuất thực ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản
- a) Địa điểm sản xuất:
- b) Nhà xưởng, trang thiết bị:.....
- c) Phân tích chất lượng trong quá trình sản xuất:
- d) Hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học:
- đ) Nhân viên kỹ thuật:
- e) Tài liệu gửi kèm theo thuyết minh gồm:
- g) Danh sách sản phẩm kèm theo:

.....ngày tháng năm 20....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 13.NT

CƠ QUAN CẤP TRÊN
CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Kiểm tra điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản/
sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản
Số:...../BB-ĐKSX

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Căn cứ kiểm tra, ngày kiểm tra:
2. Tên cơ sở kiểm tra:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:..... Số Fax: Email:
- Tên và số giấy đăng ký kinh doanh/giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:
- Tên cơ quan cấp:..... Ngày cấp:
- Người đại diện của cơ sở:..... Chức vụ:
- Giấy chứng nhận hệ thống phù hợp tiêu chuẩn:
3. Địa điểm kiểm tra:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Số Fax:..... Email:
4. Thành phần Đoàn kiểm tra:
- Ông/bà: Chức vụ:
- Ông/bà: Chức vụ:
5. Sản phẩm sản xuất:
-
-

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

STT	Chỉ tiêu kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Diễn giải kết quả kiểm tra; hành động khắc phục lỗi
		Đạt	Không đạt	
I	KIỂM TRA LẦN ĐẦU HOẶC CÓ THAY ĐỔI ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT			
1.	Địa điểm sản xuất nằm trong khu vực không bị ô nhiễm bởi chất thải nguy hại, hóa chất độc hại			
2.	Khu sản xuất có tường, rào ngăn cách với bên ngoài			
3.	Nhà xưởng, trang thiết bị phù hợp với từng loại sản phẩm			
a	Có nhà xưởng kết cấu vững chắc, nền không đọng nước, liên thông và một chiều từ nguyên liệu đến thành phẩm			
b	Tường, trần, vách ngăn, cửa bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học			

c	Khu chứa trang thiết bị, nguyên liệu vật liệu, thành phẩm bảo đảm không nhiễm chéo lẫn nhau và bảo đảm theo yêu cầu bảo quản của nhà sản xuất, cung cấp			
d	Trang thiết bị tiếp xúc với nguyên liệu, thành phẩm bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học			
đ	Thiết bị thu gom và xử lý chất thải không gây ô nhiễm môi trường khu vực sản xuất			
e	Trường hợp cơ sở sản xuất sinh khối vi sinh vật để sản xuất chế phẩm sinh học vi sinh vật phải có thiết bị tạo môi trường, lưu giữ và nuôi cấy vi sinh vật			
4	Có phòng thử nghiệm hoặc có thuê phòng thử nghiệm đủ năng lực để kiểm tra chất lượng trong quá trình sản xuất			
5	Xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học			
a	Kiểm soát chất lượng nước phục vụ sản xuất			
b	Kiểm soát nguyên liệu			
c	Kiểm soát bao bì			
d	Kiểm soát thành phẩm			
đ	Kiểm soát quá trình sản xuất			
e	Kiểm soát tái chế			
g	Lưu mẫu thành phẩm			
h	Kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh thiết bị			
i	Kiểm soát động vật gây hại			
k	Vệ sinh nhà xưởng			
l	Thu gom và xử lý chất thải			
6	Nhân viên kỹ thuật được đào tạo về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản, sinh học, hóa học hoặc công nghệ thực phẩm.			
II	KIỂM TRA DUY TRÌ ĐIỀU KIỆN, NGOÀI CÁC CHỈ TIÊU TẠI MỤC I, PHẢI ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ TIÊU SAU			
7	Áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học trong quá trình sản xuất theo các nội dung tại Mục 5, I; ghi chép, lưu giữ hồ sơ trong quá trình sản xuất phục vụ truy xuất nguồn gốc			
8	Thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng; công bố hợp quy theo quy định			
9	Thực hiện ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa.			
10	Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm do mình sản xuất; xử lý, thu hồi hoặc tiêu hủy sản phẩm không bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật; bồi thường thiệt hại gây ra cho người mua, người nuôi trồng thủy sản			

11	Gửi thông tin sản phẩm đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định trước khi lưu thông sản phẩm trên thị trường			
12	Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật			
Số chỉ tiêu đánh giá thực tế				
Số chỉ tiêu đạt/không đạt				

III. LẤY MẪU

1. Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu, số lượng mẫu; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu,..)

.....

2. Chỉ định chỉ tiêu phân tích (Biên bản lấy mẫu kèm theo):

.....

IV. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA:

.....

V. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ:

.....

.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Quy trình số: 04.TTCCTS-SNN

QUY TRÌNH THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4 ĐỐI VỚI THỦ TỤC XÁC NHẬN NGUỒN GỐC LOÀI THỦY SẢN THUỘC PHỤ LỤC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ BUÔN BÁN CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT HOANG DÃ NGUY CẤP VÀ CÁC LOẠI THỦY SẢN NGUY CẤP, QUÝ HIẾM CÓ NGUỒN GỐC KHAI THÁC TỪ TỰ NHIÊN

Áp dụng tại cơ quan: Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Quy trình	Đối tượng thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	
			Xác nhận nguồn gốc	Xác nhận mẫu vật
Nộp hồ sơ	Người nộp hồ sơ	<p>I. Nộp hồ sơ trực tuyến:</p> <p>1. Truy nhập Cổng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) trên mạng internet tại địa chỉ: https://dichvucong.quangbinh.gov.vn.</p> <p>2. Đăng ký/ Đăng nhập vào Hệ thống.</p> <p>3. Chọn cơ quan thực hiện là Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và PTNT. Tại danh sách dịch vụ công lựa chọn dịch vụ công “<i>Thủ tục xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước Quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loại thủy sản nguy cấp, quý hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên</i>”.</p> <p>4. Cập nhật, số hóa đầy đủ các thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <p>- Hồ sơ đề nghị xác nhận nguồn gốc: Đơn đăng ký xác nhận nguồn gốc theo Mẫu số 32.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (<i>biểu mẫu điện tử</i>); Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với trường hợp có sử dụng tàu cá để khai thác thủy sản (<i>bản chụp/bản scan</i>); Văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (<i>bản chụp/bản scan</i>); Hợp đồng thuê tàu cá đối với trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp Văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm sử dụng tàu cá để khai thác nhưng không phải là chủ tàu (<i>bản chụp/bản scan</i>); Báo cáo khai thác thủy sản, nhật ký khai thác thủy sản (<i>bản chụp/bản scan</i>).</p>		

	<p>- Hồ sơ đề nghị xác nhận mẫu vật loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm được khai thác từ tự nhiên trước thời điểm quy định cấm khai thác có hiệu lực, bao gồm: Đơn đăng ký xác nhận nguồn gốc theo Mẫu 32.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (<i>biểu mẫu điện tử</i>); tài liệu chứng minh nguồn gốc mẫu vật khai thác từ tự nhiên có xác nhận của Tổ chức quản lý cảng cá hoặc UBND cấp xã hoặc Chi cục Thủy sản Quảng Bình tại thời điểm khai thác (<i>bản chụp/bản scan</i>); hợp đồng mua, bán, cho, tặng có công chứng tại thời điểm mua, bán, cho, tặng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân không phải là người trực tiếp khai thác (<i>bản chụp/bản scan</i>).</p> <p>5. Hồ sơ điện tử gửi dưới hình thức khai báo thông tin trên biểu mẫu điện tử (e-form) được cung cấp sẵn hoặc đăng tải các giấy tờ, tài liệu điện tử hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp thành phần hồ sơ có yêu cầu nộp bản điện tử có chữ ký số xác thực: Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và PTNT có nội dung hướng dẫn để công khai ngay trên dịch vụ công trực tuyến được cung cấp, trường hợp bản điện tử chưa có ký số thì hướng dẫn việc đối chiếu hoặc nộp trực tiếp hồ sơ gốc khi đến nhận kết quả hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>6. Đăng ký hình thức nhận kết quả thủ tục hành chính (TTHC): Trực tuyến/hoặc trực tiếp/hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>7. Đăng ký hình thức nhận thông báo về tình hình giải quyết hồ sơ: Thư điện tử (email) /hoặc tin nhắn qua mạng xã hội (Zalo)/hoặc tin nhắn SMS trên điện thoại di động.</p> <p>8. Người nộp hồ sơ được cấp mã để tra cứu tình trạng giải quyết hồ sơ trực tuyến có liên quan.</p> <p>9. Trong quá trình thực hiện dịch vụ công, tổ chức, cá nhân có thể liên hệ qua số điện thoại và hộp thư điện tử của Chi cục Thủy sản được đăng tải kèm theo quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến này để được hướng dẫn, hỗ trợ.</p> <p>II. Nộp hồ sơ trực tiếp:</p> <p>Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và PTNT (<i>Số 03 đường Lê Thành Đồng, phường Hải Thành, TP. Đồng Hới, Quảng Bình</i>) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích theo thành phần hồ sơ và hướng dẫn nêu trên.</p>		
--	---	--	--

Bước 1	Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa	<p>1. Kiểm tra, hoàn thiện thông tin của người nộp hồ sơ. Xác nhận hình thức nộp hồ sơ: Trực tuyến/hoặc trực tiếp/hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>2. Kiểm tra thành phần hồ sơ điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, cập nhật, lưu trữ hồ sơ điện tử; chuyển chuyên viên Phòng chuyên môn trực tiếp xử lý, giải quyết hồ sơ; gửi Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ: Tham mưu lãnh đạo Chi cục gửi thông báo cho người nộp, hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu qua Bộ phận một cửa. 	04 giờ làm việc	04 giờ làm việc
Bước 2	Cán bộ phòng chuyên môn	<p>Xem xét, thẩm định, giải quyết hồ sơ hành chính điện tử theo quy định của pháp luật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Tổng hợp toàn bộ hồ sơ và tham mưu dự thảo Giấy xác nhận nguồn gốc khai thác từ tự nhiên theo Mẫu số 35.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP trình Lãnh đạo phòng chuyên môn. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Tham mưu văn bản trả lời, nêu rõ lý do và chuyển trả lại hồ sơ cho cán bộ tiếp nhận tại Bộ phận một cửa của Chi cục Thủy sản. 	01 ngày làm việc	02 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn	<p>Xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp chấp thuận: Trình lãnh đạo Chi cục xem xét, ký duyệt. - Trường hợp không chấp thuận: Trả kết quả xử lý, yêu cầu chuyên viên thụ lý hồ sơ xử lý lại. 	04 giờ làm việc	01 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục	<p>Ký duyệt hồ sơ và chuyển cho chuyên viên phụ trách</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp chấp thuận: Ký duyệt, trả kết quả Giấy xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc phụ lục công ước Quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loại thủy sản nguy cấp, quý hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên. - Trường hợp không chấp thuận: Trả kết quả xử lý, yêu cầu Lãnh đạo chuyên môn xem xét, xử lý lại. 	04 giờ làm việc	03 ngày làm việc
Bước 5	Cán bộ phòng chuyên môn	Nhận kết quả và chuyển Bộ phận một cửa của Chi cục.	02 giờ làm việc	02 giờ làm việc

Bước 6	Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa	Xác nhận kết quả chờ trả và thông báo cho cá nhân, tổ chức đã có kết quả TTHC theo hình thức đã đăng ký.	02 giờ làm việc	02 giờ làm việc
Nhận kết quả	Người nộp hồ sơ	- Xuất trình đối chiếu hoặc nộp bản giấy các hồ sơ, văn bản điện tử có yêu cầu xác thực bằng chữ ký số nhưng chưa được ký số khi đến nhận kết quả hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nhận kết quả TTHC: Trực tuyến/ hoặc trực tiếp /hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Đồng thời nhận kết quả TTHC bản điện tử tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công.	Không tính vào thời gian giải quyết	Không tính vào thời gian giải quyết
		Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính	03 ngày làm việc	07 ngày làm việc

*** Đính kèm các biểu mẫu:**

Mẫu số 32.NT**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NGUỒN GỐC**Loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế động vật,
thực vật hoang dã nguy cấp, loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm
từ nuôi trồng thủy sản/khai thác từ tự nhiên**

Kính gửi: (Tên cơ quan xác nhận).

- Tên tổ chức/cá nhân đề nghị:
- Đại diện (nếu là tổ chức):
- Địa chỉ thường trú/trụ sở công ty (nếu là tổ chức):
- Điện thoại..... Fax.....; Email.....
- Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập (nếu có):
- Mã số trại nuôi sinh trưởng, sinh sản, trồng cây nhân tạo (nếu có):... ..
- Địa điểm kiểm tra xác nhận nguồn gốc:

Đề nghị xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc phụ lục của Công ước quốc tế về buôn bán động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm từ nuôi trồng thủy sản/khai thác từ tự nhiên, cụ thể:

- Áp dụng đối với trường hợp xác nhận nguồn gốc từ nuôi trồng thủy sản:

Tên, mã số trại nuôi sinh trưởng, nuôi sinh sản và trồng cây nhân tạo	Tên loài nuôi (tên thông thường)	Tên khoa học	Thời gian nuôi	Kích thước trung bình	Số lượng/khối lượng của loài được xác nhận	Ký hiệu đánh dấu theo cá thể (nếu có)

- Áp dụng đối với trường hợp xác nhận nguồn gốc khai thác từ tự nhiên

Số văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm số:.... ngày ... tháng năm do Tổng cục Thủy sản cấp.

Tên loài được phép khai thác (tên thông thường)	Tên khoa học	Tên tàu/số đăng ký, (Nghề khai thác) ¹ (Nếu sử dụng tàu cá)	Vùng ² / khu vực khai thác	Ngày khai thác	Số lượng hoặc khối lượng của loài được xác nhận nguồn gốc (con hoặc kg)	Tổng số lượng hoặc khối lượng được phép khai thác (con hoặc kg)	Số lượng hoặc khối lượng lũy kế tại thời điểm xác nhận (con hoặc kg) ³	Ghi chú

Thông tin khác: (nếu có)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu nếu có)**Hồ sơ gửi kèm:**¹ Nghề khai thác theo mã đã được quy định.² Vùng khai thác theo mã đã được quy định.³ Tổng số cá thể hoặc khối lượng loài đã được xác nhận nguồn gốc.

Quy trình số: 05.TTCCTS-SNN

QUY TRÌNH THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4 ĐỐI VỚI THỦ TỤC XÁC NHẬN NGUỒN GỐC LOÀI THỦY SẢN THUỘC PHỤ LỤC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ BUÔN BÁN CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT HOANG DÃ NGUY CẤP VÀ CÁC LOÀI THỦY SẢN NGUY CẤP, QUÝ HIẾM CÓ NGUỒN GỐC TỪ NUÔI TRỒNG

Áp dụng tại cơ quan: Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Quy trình	Đối tượng thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Nộp hồ sơ	Người nộp hồ sơ	<p>I. Nộp hồ sơ trực tuyến:</p> <p>1. Truy nhập Cổng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) trên mạng internet tại địa chỉ: https://dichvucong.quangbinh.gov.vn.</p> <p>2. Đăng ký/ Đăng nhập vào Hệ thống.</p> <p>3. Chọn cơ quan thực hiện là Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và PTNT. Tại danh sách dịch vụ công lựa chọn dịch vụ công <i>“Thủ tục xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước Quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng”</i>.</p> <p>4. Cập nhật, số hóa đầy đủ các thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký xác nhận nguồn gốc theo Mẫu số 32.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (<i>biểu mẫu điện tử</i>); - Giấy xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp hoặc loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm khai thác từ tự nhiên đối với trường hợp sử dụng cá thể có nguồn gốc từ tự nhiên để nuôi sinh trưởng, nuôi sinh sản và trồng cây nhân tạo (<i>bản chụp/bản scan</i>); - Tài liệu chứng minh cá thể có nguồn gốc từ sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật trong trường hợp sử dụng cá thể có nguồn gốc từ sau xử lý tịch thu để nuôi sinh trưởng, nuôi sinh sản và trồng cây nhân tạo (<i>bản chụp/bản scan</i>); - Tài liệu nhập khẩu mẫu vật đối với trường hợp sử dụng mẫu vật có nguồn gốc từ nhập khẩu để nuôi sinh trưởng, nuôi sinh sản và trồng cây nhân tạo (<i>bản chụp/bản scan</i>); 	

		<p>- Sở theo dõi quá trình nuôi sinh trưởng, sinh sản và trồng cấy nhân tạo đối với loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm theo Mẫu số 33.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP. Các loài thủy sản thuộc Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (<i>bản chụp/bản scan</i>).</p> <p>5. Hồ sơ điện tử gửi dưới hình thức khai báo thông tin trên biểu mẫu điện tử (e-form) được cung cấp sẵn hoặc đăng tải các giấy tờ, tài liệu điện tử hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp thành phần hồ sơ có yêu cầu nộp bản điện tử có chữ ký số xác thực: Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và PTNT có nội dung hướng dẫn để công khai ngay trên dịch vụ công trực tuyến được cung cấp, trường hợp bản điện tử chưa có ký số thì hướng dẫn việc đối chiếu hoặc nộp trực tiếp hồ sơ gốc khi đến nhận kết quả hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>6. Đăng ký hình thức nhận kết quả thủ tục hành chính (TTHC): Trực tuyến/hoặc trực tiếp/hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>7. Đăng ký hình thức nhận thông báo về tình hình giải quyết hồ sơ: Thư điện tử (email) /hoặc tin nhắn qua mạng xã hội (Zalo)/hoặc tin nhắn SMS trên điện thoại di động.</p> <p>8. Người nộp hồ sơ được cấp mã để tra cứu tình trạng giải quyết hồ sơ trực tuyến có liên quan.</p> <p>9. Trong quá trình thực hiện dịch vụ công, tổ chức, cá nhân có thể liên hệ qua số điện thoại và hộp thư điện tử của Chi cục Thủy sản được đăng tải kèm theo quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến này để được hướng dẫn, hỗ trợ.</p> <p>II. Nộp hồ sơ trực tiếp:</p> <p>Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và PTNT (<i>Số 03 đường Lê Thành Đồng, phường Hải Thành, TP. Đồng Hới, Quảng Bình</i>) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích theo thành phần hồ sơ và hướng dẫn nêu trên.</p>	
Bước 1	Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa	<p>1. Kiểm tra, hoàn thiện thông tin của người nộp hồ sơ. Xác nhận hình thức nộp hồ sơ: Trực tuyến/hoặc trực tiếp/hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>2. Kiểm tra thành phần hồ sơ điện tử:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, cập nhật, lưu trữ hồ sơ điện tử; chuyên viên Phòng chuyên môn trực tiếp xử lý, giải quyết hồ sơ; gửi Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.</p>	04 giờ làm việc

		- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ: Tham mưu lãnh đạo Chi cục gửi thông báo cho người nộp, hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu qua Bộ phận một cửa.	
Bước 2	Cán bộ phòng chuyên môn	Xem xét, thẩm định, giải quyết hồ sơ hành chính điện tử theo quy định của pháp luật. - Tham mưu Lãnh đạo Phòng chuyên môn để tham mưu Lãnh đạo Chi cục tổ chức kiểm tra thực tế tại cơ sở nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo loài thủy sản (nếu cần). + Trên cơ sở kết quả kiểm tra hồ sơ, thực tế, nếu đủ điều kiện theo quy định: Tổng hợp toàn bộ hồ sơ và dự thảo Giấy xác nhận nguồn gốc theo Mẫu số 34.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP trình lãnh đạo Phòng chuyên môn. + Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định: Tham mưu văn bản trả lời, nêu rõ lý do và chuyển trả lại hồ sơ cho cán bộ tiếp nhận tại Bộ phận một cửa của Chi cục Thủy sản.	04 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn	Xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục. - Trường hợp chấp thuận: Trình lãnh đạo Chi cục xem xét, ký duyệt. - Trường hợp không chấp thuận: Trả kết quả xử lý, yêu cầu chuyên viên thụ lý hồ sơ xử lý lại.	04 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục	Ký duyệt hồ sơ và chuyển cho chuyên viên phụ trách - Trường hợp chấp thuận: Ký duyệt, trả kết quả Giấy xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm từ nuôi trồng thủy sản. - Trường hợp không chấp thuận: Trả kết quả xử lý, yêu cầu Lãnh đạo chuyên môn xem xét, xử lý lại.	01 ngày làm việc
Bước 5	Cán bộ phòng chuyên môn	Nhận kết quả và chuyển Bộ phận một cửa của Chi cục.	04 giờ làm việc
Bước 6	Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa	Xác nhận kết quả chờ trả và thông báo cho cá nhân, tổ chức đã có kết quả TTHC theo hình thức đã đăng ký.	04 giờ làm việc

Nhận kết quả	Người nộp hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Xuất trình đối chiếu hoặc nộp bản giấy các hồ sơ, văn bản điện tử có yêu cầu xác thực bằng chữ ký số nhưng chưa được ký số khi đến nhận kết quả hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nhận kết quả TTHC: Trực tuyến/ hoặc trực tiếp /hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Đồng thời nhận kết quả TTHC bản điện tử tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công. 	Không tính vào thời gian giải quyết
		Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính	07 ngày làm việc

** Đính kèm các biểu mẫu:*

Mẫu số 32.NT**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NGUỒN GỐC**Loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế động vật,
thực vật hoang dã nguy cấp, loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm
từ nuôi trồng thủy sản/khai thác từ tự nhiên**

Kính gửi: (Tên cơ quan xác nhận).

- Tên tổ chức/cá nhân đề nghị:
- Đại diện (nếu là tổ chức):
- Địa chỉ thường trú/trụ sở công ty (nếu là tổ chức):
- Điện thoại..... Fax.....; Email.....
- Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập (nếu có):
- Mã số trại nuôi sinh trưởng, sinh sản, trồng cây nhân tạo (nếu có):... ..
- Địa điểm kiểm tra xác nhận nguồn gốc:

Đề nghị xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc phụ lục của Công ước quốc tế về buôn bán động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm từ nuôi trồng thủy sản/khai thác từ tự nhiên, cụ thể:

- Áp dụng đối với trường hợp xác nhận nguồn gốc từ nuôi trồng thủy sản:

Tên, mã số trại nuôi sinh trưởng, nuôi sinh sản và trồng cây nhân tạo	Tên loài nuôi (tên thông thường)	Tên khoa học	Thời gian nuôi	Kích thước trung bình	Số lượng/khối lượng của loài được xác nhận	Ký hiệu đánh dấu theo cá thể (nếu có)

- Áp dụng đối với trường hợp xác nhận nguồn gốc khai thác từ tự nhiên

Số văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm số:.... ngày ... tháng năm do Tổng cục Thủy sản cấp.

Tên loài được phép khai thác (tên thông thường)	Tên khoa học	Tên tàu/số đăng ký, (Nghề khai thác) ⁴ (Nếu sử dụng tàu cá)	Vùng ⁵ / khu vực khai thác	Ngày khai thác	Số lượng hoặc khối lượng của loài được xác nhận nguồn gốc (con hoặc kg)	Tổng số lượng hoặc khối lượng được phép khai thác (con hoặc kg)	Số lượng hoặc khối lượng lũy kế tại thời điểm xác nhận (con hoặc kg) ⁶	Ghi chú

Thông tin khác: (nếu có)

⁴ Nghề khai thác theo mã đã được quy định.⁵ Vùng khai thác theo mã đã được quy định.⁶ Tổng số cá thể hoặc khối lượng loài đã được xác nhận nguồn gốc.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

Mẫu số 33.NT

**SỔ THEO DÕI NUÔI SINH TRƯỞNG, SINH SẢN,
TRỒNG CÂY NHÂN TẠO LOÀI THỦY SẢN NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM**

1. Họ và tên của tổ chức, cá nhân là chủ cơ sở nuôi:
2. Địa chỉ (gồm địa chỉ của tổ chức, cá nhân là chủ cơ sở nuôi và địa điểm nuôi):
3. Tên tiếng phổ thông của loài nuôi:.....
4. Tên khoa học của loài nuôi:
5. Hình thức nuôi: Nuôi sinh trưởng/nuôi sinh sản/trồng cây nhân tạo
6. Mã số cơ sở nuôi:
7. Thông tin nuôi sinh trưởng (áp dụng đối với trường hợp nuôi sinh trưởng)

Ngày	Tổng số cá thể nuôi				Số lượng con giống	Số lượng cá thể nuôi thương phẩm			Nhập cơ sở (mua, sinh sản ..vv)			Xuất cơ sở (bán, cho tặng, chết...)			Ghi chú	Xác nhận của Cơ quan quản lý thủy sản
	Tổng	Đực	Cái	Không xác định		Đực	Cái	Không xác định	Đực	Cái	Không xác định	Đực	Cái	Không xác định		
1	2=3+4+5	3=7+10-13	4=8+11-14	5=6+9+12-15	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17

Ghi chú:

- Số liệu tại sổ cơ sở nuôi phải ghi chép ngay khi có sự thay đổi và chốt định kỳ vào ngày cuối cùng của tháng.
 - Cột 17, cán bộ của Cơ quan cấp mã số ký xác nhận khi kiểm tra các cơ sở nuôi động vật hoang dã.
8. Thông tin nuôi sinh sản (áp dụng đối với trường hợp động vật sinh sản bằng hình thức đẻ trứng).

TT	Ngày (lấy trứng khỏi tổ/ ấp trứng/ con non nở, chết ...)	Số cá thể bố mẹ		Số lượng trứng	Số lượng trứng được đưa vào ấp	Số con non nở	Số con con bị chết	Số con non còn sống	Số con con cộng dồn theo thời gian	Số con non tách khỏi khu nuôi nhốt (tách đàn)	Số con non còn lại	Ghi chú	Xác nhận của cơ quan quản lý thủy sản
		Đực	Cái										
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8	10	11	12=10-11	13	14
Tổng													

Ghi chú:

- Sổ theo dõi sinh sản của động vật hoang dã được lập riêng cho từng loài.
 - Số liệu tại sổ, chủ nuôi phải ghi chép ngay khi có sự thay đổi và chốt định kỳ vào ngày cuối cùng của tháng hoặc kết thúc đợt sinh sản của động vật.
 - Số cá thể tách khỏi khu nuôi nhốt con non được hiểu là khi chủ nuôi bán con giống hoặc con non được gia nhập đàn với các cá thể trưởng thành.
9. Thông tin nuôi sinh sản (áp dụng đối với trường hợp động vật sinh sản bằng hình thức đẻ con)

TT	Ngày (đẻ, chết ...)	Số cá thể bố mẹ		Số con non nở	Số con con bị chết	Số con non còn sống	Số con con cộng dồn theo thời gian	Số con non tách khỏi khu nuôi nhốt (tách đàn)	Số con non còn lại	Ghi chú	Xác nhận của cơ quan quản lý thủy sản
		Đực	Cái								
1	2	3	4	7	8	9=7-8	10	11	12=10-11	13	14
Tổng											

Ghi chú:

- Sổ theo dõi sinh sản của động vật hoang dã được lập riêng cho từng loài.
 - Số liệu tại sổ, chủ nuôi phải ghi chép ngay khi có sự thay đổi và chốt định kỳ vào ngày cuối cùng của tháng.
 - Số cá thể tách khỏi khu nuôi nhốt con non được hiểu là khi chủ nuôi bán con giống hoặc con non được gia nhập đàn với các cá thể trưởng thành.
10. Thông tin trồng cây nhân tạo (áp dụng đối với trường hợp trồng cây nhân tạo các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm)

Ngày	Số lượng cây/con giống	Số lượng cây/con trong bình vô trùng	Số lượng cây/con còn non	Số cây/con trưởng thành	Bổ sung (mua hoặc các cách khác)		Chuyển giao (bán hoặc các cách khác)		Ghi chú

Ghi chú:

Số lượng cây/con giống: Ghi rõ số lượng cây/con giống ban đầu và nguồn gốc số cây giống đó.

Số lượng cây/con trong bình nghiệm: Ghi chép số lượng cây cấy mô nhân giống trong bình vô trùng.

Cây non: Ghi chép số lượng cây/con được đưa ra nuôi trồng. Để có được con số này, ta có thể lấy tổng số cây/con được lấy ra từ bình vô trùng nuôi trồng thành công trong 1 tháng đầu.

Cây/con trưởng thành: Ghi chép số lượng cây/con sống được trong 6 tháng đầu và tiếp tục được nuôi lớn cho đến khi ra sản phẩm xuất bán hoặc tiếp tục một chu kỳ tiếp theo.

Bổ sung: Cột này được sử dụng để ghi chép số cây/con có được do mua từ các cơ sở khác, nhập khẩu. Ngày tiến hành bổ sung số cây/con cũng phải được ghi chép. Cây/con nhập khẩu phải ghi chú nước xuất xứ và số giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu ở cột ghi chú.

Chuyển giao: Cột này được dùng để ghi chép số cây/con xuất khẩu hay bán đi. Cũng cần ghi chép lại ngày những cây/con đó được xuất khẩu hoặc bán đi. Khi xuất khẩu hoặc bán cho các cơ sở nuôi trồng khác thì ghi lại số giấy phép CITES xuất khẩu/giấy phép vận chuyển đặc biệt nếu có ở cột ghi chú.

Ghi chú: Sử dụng cột này để ghi chép những chi tiết về việc khai thác cây/con giống tự nhiên, bổ sung hoặc chuyển giao (ví dụ số giấy phép khai thác, số giấy phép vận chuyển, điểm đến của lô hàng được bán hay xuất khẩu, nguồn thực vật được bổ sung vào cơ sở,)

Phải ghi chép vào sổ khi:

- (1) bổ sung thêm vào cơ sở trồng cấy nhân tạo
- (2) cây/con được trồng cấy nhân tạo tại cơ sở bị chết hoặc bán đi; và
- (3) chuyển cây/con một hạng tuổi sang hạng tuổi khác hoặc giai đoạn này sang giai đoạn khác (ví dụ chuyển cây từ bình vô trùng sang cây non)

Ghi chú: Dành cho chủ cơ sở trồng cấy nhân tạo, Cơ quan cấp chứng nhận cơ sở cần lưu để theo dõi sau mỗi lần kiểm tra.

Quy trình số: 06.TTCCTS-SNN

**QUY TRÌNH THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4 ĐỐI VỚI THỦ TỤC
CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN NGUỒN GỐC THỦY SẢN KHAI THÁC (THEO YÊU CẦU)**

Áp dụng tại cơ quan: Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Quy trình	Đối tượng thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
Nộp hồ sơ	Người nộp hồ sơ	<p>I. Nộp hồ sơ trực tuyến:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Truy nhập Cổng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) trên mạng internet tại địa chỉ: https://dichvucong.quangbinh.gov.vn. 2. Đăng ký/ Đăng nhập vào Hệ thống. 3. Chọn cơ quan thực hiện là Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và PTNT. Tại danh sách dịch vụ công lựa chọn dịch vụ công “Thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)”. 4. Cập nhật, số hóa đầy đủ các thành phần hồ sơ, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - <i>Hồ sơ đề nghị chứng nhận, gồm:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác có mô tả nguyên liệu đã sử dụng theo mục B Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT (<i>bản chụp/bản scan</i>); trường hợp nguyên liệu thủy sản chưa sử dụng hết, tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận nộp bản chính Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác để cơ quan thẩm quyền xác nhận phần nguyên liệu chưa sử dụng (<i>bản chụp/bản scan</i>); trường hợp nguyên liệu thủy sản đã sử dụng hết, cơ quan thẩm quyền thu bản chính Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác và lưu hồ sơ (<i>bản chụp/bản scan</i>); + Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT đối với sản phẩm xuất khẩu vào thị trường châu Âu hoặc theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT đối với sản phẩm xuất khẩu vào thị trường các nước thuộc Ủy ban quốc tế về bảo tồn cá ngừ Đại Tây Dương hoặc giấy chứng nhận theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu đã kê khai đầy đủ thông tin (<i>bản chụp/bản scan</i>); 	

		<p>+ Thông tin bổ sung cho sản phẩm thủy sản được chế biến từ tàu cá Việt Nam và Thông tin vận tải theo Mẫu số 02a, 02b Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT (<i>bản chụp/bản scan</i>).</p> <p>- Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận, gồm:</p> <p>+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT (<i>biểu mẫu điện tử</i>);</p> <p>+ Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo Mẫu số 02 hoặc Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT hoặc giấy chứng nhận theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu đã kê khai đầy đủ thông tin (<i>bản chụp/bản scan</i>);</p> <p>+ Bản gốc Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác bị rách, nát không còn nguyên vẹn, bị sai thông tin (trừ trường hợp giấy chứng nhận bị mất) (<i>bản chụp/bản scan</i>).</p> <p>5. Hồ sơ điện tử gửi dưới hình thức khai báo thông tin trên biểu mẫu điện tử (e-form) được cung cấp sẵn hoặc đăng tải các giấy tờ, tài liệu điện tử hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp thành phần hồ sơ có yêu cầu nộp bản điện tử có chữ ký số xác thực: Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và PTNT có nội dung hướng dẫn đề công khai ngay trên dịch vụ công trực tuyến được cung cấp, trường hợp bản điện tử chưa có ký số thì hướng dẫn việc đối chiếu hoặc nộp trực tiếp hồ sơ gốc khi đến nhận kết quả hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>6. Đăng ký hình thức nhận kết quả thủ tục hành chính (TTHC): Trực tuyến/hoặc trực tiếp/hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>7. Đăng ký hình thức nhận thông báo về tình hình giải quyết hồ sơ: Thư điện tử (email) /hoặc tin nhắn qua mạng xã hội (Zalo)/hoặc tin nhắn SMS trên điện thoại di động.</p> <p>8. Người nộp hồ sơ được cấp mã để tra cứu tình trạng giải quyết hồ sơ trực tuyến có liên quan.</p> <p>9. Trong quá trình thực hiện dịch vụ công, tổ chức, cá nhân có thể liên hệ qua số điện thoại và hộp thư điện tử của Chi cục Thủy sản được đăng tải kèm theo quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến này để được hướng dẫn, hỗ trợ.</p> <p>II. Nộp hồ sơ trực tiếp:</p> <p>Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và PTNT (<i>Số 03 đường Lê Thành Đồng, phường Hải Thành, TP. Đồng Hới, Quảng Bình</i>) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích theo thành phần hồ sơ và hướng dẫn nêu trên.</p>	
--	--	--	--

Bước 1	Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa	<p>1. Kiểm tra, hoàn thiện thông tin của người nộp hồ sơ. Xác nhận hình thức nộp hồ sơ: Trực tuyến/hoặc trực tiếp/hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>2. Kiểm tra thành phần hồ sơ điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, cập nhật, lưu trữ hồ sơ điện tử; chuyển chuyên viên Phòng chuyên môn trực tiếp xử lý, giải quyết hồ sơ; gửi Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ: Tham mưu lãnh đạo Chi cục gửi thông báo cho người nộp, hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu qua Bộ phận một cửa. 	02 giờ làm việc
Bước 2	Cán bộ phòng chuyên môn	<p>Xem xét, thẩm định, giải quyết hồ sơ hành chính điện tử theo quy định của pháp luật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Tổng hợp toàn bộ hồ sơ và tham mưu dự thảo Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT trình Lãnh đạo phòng chuyên môn. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Tham mưu văn bản trả lời, nêu rõ lý do và chuyển trả lại hồ sơ cho cán bộ tiếp nhận tại Bộ phận một cửa của Chi cục Thủy sản. 	04 giờ làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn	<p>Xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp chấp thuận: Trình lãnh đạo Chi cục xem xét, ký duyệt. - Trường hợp không chấp thuận: Trả kết quả xử lý, yêu cầu chuyên viên thụ lý hồ sơ xử lý lại. 	02 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục	<p>Ký duyệt hồ sơ và chuyển cho chuyên viên phụ trách</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp chấp thuận: Ký duyệt, trả kết quả Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác. - Trường hợp không chấp thuận: Trả kết quả xử lý, yêu cầu Lãnh đạo chuyên môn xem xét, xử lý lại. 	04 giờ làm việc
Bước 5	Cán bộ phòng chuyên môn	Nhận kết quả và chuyển Bộ phận một cửa của Chi cục.	02 giờ làm việc
Bước 6	Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa	Xác nhận kết quả chờ trả và thông báo cho cá nhân, tổ chức đã có kết quả TTHC theo hình thức đã đăng ký.	02 giờ làm việc

Nhận kết quả	Người nộp hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Xuất trình đối chiếu hoặc nộp bản giấy các hồ sơ, văn bản điện tử có yêu cầu xác thực bằng chữ ký số nhưng chưa được ký số khi đến nhận kết quả hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nhận kết quả TTHC: Trực tuyến/ hoặc trực tiếp /hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Đồng thời nhận kết quả TTHC bản điện tử tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công. 	Không tính vào thời gian giải quyết
		Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính	02 ngày làm việc

** Đính kèm các biểu mẫu:*

Mẫu số 02a/Appendix 02a**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO SẢN PHẨM THỦY SẢN ĐƯỢC CHẾ BIẾN TỪ TÀU CÁ VIỆT NAM****ADDITIONAL INFORMATION FOR FISHERIES PRODUCTS OBTAINED FROM THE FISHING VESSELS OF VIET NAM**

Đính kèm Chứng nhận số/Attached to the Catch certificate:

Mục I/Section I:

Quốc gia tàu treo cờ: State/Flag: Việt Nam

Các thông tin sau cần thu thập trong quá trình chứng nhận/The following information in section should be included if available at the moment of request for validation:

Số vận đơn/Invoice No.:; Số công-ten-no/Container No.:; Nước đến/Destination country:

Đơn vị nhập khẩu/Importer:

Mục II/Section II:

Tàu cá/Fishing vessel						Mô tả sản phẩm/Product description						
Số giấy xác nhận	Tên, số đăng ký (Nghề khai thác)/Name, Registration (Fishing gear code)	Loại: Tàu nhỏ* Tàu thông thường** Type: Small*/Normal**	Hồ hiệu/ Call sign	Inmarsat, Fax, điện thoại (nếu có)/Inmarsat, fax, tel (if issued)	Số giấy phép, giá trị đến ngày/ Fishing licence No, period of validity	Vùng và thời gian khai thác/ Catch area (s) and date	Tên loài/ Species Name	Loại hình chế biến trên tàu cá được cấp phép/ Type processing authorized on board	Ngày lên cá/ Date of landing	Tổng khối lượng khai thác của tàu cá (kg)/ Total catch of the vessel (kg)	Khối lượng nguyên liệu đưa vào chế biến từ tổng khối lượng khai thác (kg)/ Catch processed from the total catch (kg)	Khối lượng sản phẩm thủy sản trong lô hàng (kg) ⁹ / Processed fishery product for export (kg)
									Tổng/ Total			

⁹Khối lượng nguyên liệu tại chú thích 4

Attached to the Catch certificate/Đính kèm Chứng nhận số:

Nhà máy chế biến (Không phải của tổ chức, cá nhân xuất khẩu) Processing plant (if different from the processing plant)		Cơ quan thẩm quyền/Validating authority	
Tên và địa chỉ/Name and address	Chữ ký và đóng dấu Signature and seal	Tên và địa chỉ/Name and address	
Tổ chức, cá nhân xuất khẩu/Exporter		Chữ ký và đóng dấu/Signature and seal	Ngày/Date
Tên và địa chỉ/Name and address	Chữ ký và đóng dấu Signature and seal		

“Tôi cam kết rằng những thông tin trên là đúng sự thực và phù hợp với khai báo ở trên”

“I hereby declare that the above information is true and corresponds to the above described export”

Mẫu số 02b/Appendix 02b
THÔNG TIN VẬN TẢI/TRANSPORT DETAILS

Số chứng nhận/Document number			
1. Quốc gia xuất khẩu/Country of Exportation: Cảng/sân bay/địa điểm xuất phát khác/Port/airport/other place of departure:			
Tên tàu/nước treo cờ/Vessel name/flag: Số chuyến/số vận đơn đường biển/Voyage No./Bill of landing No: Số chuyến bay/Số vận đơn hàng không/Flight number/Airway bill number: Quốc tịch xe và số đăng ký/Truck nationality and registration number: Số vận đơn đường sắt/Railway bill number: Các giấy tờ vận tải khác/Other transport documents:			
2. Chữ ký của chủ hàng xuất khẩu/Exporter Signature			
Số công-ten-nơ, xem danh sách kèm theo Container number (s), see list below	Tên của nhà xuất khẩu Name of Exporter	Địa chỉ Address	Chữ ký Signature

IMPORT SECTION/Phần nhập khẩu:**9. IMPORTER CERTIFICATION/Chứng nhận nhập khẩu:**

I certify that the above information is complete, true and correct to the best of my knowledge and belief. Tôi chứng nhận các thông tin trên là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết của tôi

Importer Certification/Chứng nhận của nhà nhập khẩu (Intermediate Country/Entity/Fishing Entity/Nước trung gian nhập khẩu)

Name/ tên phép	Address/địa chỉ	Signature/chữ ký có)/Cấp	Date/ngày	License # (If applicable/Nếu
-------------------	--------------------	-----------------------------	-----------	------------------------------

Importer Certification/Chứng nhận của nhà nhập khẩu (Intermediate Country/Entity/Fishing Entity/Nước trung gian nhập khẩu)

Name/ tên phép	Address/địa chỉ	Signature/chữ ký có)/Cấp	Date/ngày	License # (If applicable/Nếu
-------------------	--------------------	-----------------------------	-----------	------------------------------

Importer Certification/Chứng nhận của nhà nhập khẩu (Final Destination of Shipment/Nước cuối cùng nhập khẩu)

Name/ tên phép	Address/địa chỉ	Signature/chữ ký có)/Cấp	Date/ngày	License # (If applicable/Nếu
-------------------	--------------------	-----------------------------	-----------	------------------------------

Importer Certification (Final Destination of Shipment)

Final Point of Import/Nơi nhập khẩu cuối cùng: City/Thành phố..... State/Provine/Bang, tỉnh..... Country/Entity/Fishing Entity/Nước nhập khẩu

8. XÁC NHẬN NGUYÊN LIỆU CÁ KIẾM XUẤT KHẨU ĐI ICCAT

DOCUMENT NUMBER/SỐ TÀI LIỆU	ICCAT SWORDFISH STATISTICAL DOCUMENT THỐNG KÊ SẢN LƯỢNG CÁ KIẾM THEO ICCAT			
EXPORT SECTION/Phần xuất khẩu:				
1. FLAG COUNTRY/ENTITY/FISHING ENTITY/Tên quốc gia treo cờ				
2. DESCRIPTION OF VESSEL/Mô tả tàu thuyền (If applicable/nếu có) Vessel Name/Tên tàu Registration Number/Số đăng lý LOA (m) ICCAT Record No./Số đăng ký theo ICCAT (If applicable/nếu có)				
3. POINT OF EXPORT/Điểm xuất khẩu: City, State or Province/Thành phố, tỉnh Country/Entity/Fishing Entity/Nước xuất khẩu:				
4. AREA OF CATCH/Vùng khai thác (Check one of the following/đánh dấu vào một trong các ô sau) (a) North Atlantic (b) South Atlantic (c) Mediterranean (d) Pacific (e) Indian <input type="checkbox"/>				
* In case of (d) or (e) is checked, the items 5 and 6 below do not need to be filled out./Trường hợp (d) hoặc (e) được đánh dấu thì mục 5 và 6 không cần phải điền thông tin.				
5. DESCRIPTION OF FISH/ Mô tả sản phẩm Product Type/Loại sản phẩm (*1) Time of Harvest/thời gian khai thác Gear Code/Mã ngư cụ (*2) Net Weight/khối lượng F/FR RD/GG/DR/FL/OT (mm/yy) (kg)				
*1 F=Fresh/tươi, FR=Frozen/cấp đông, RD=Round/nguyên con, GG=Gilled&Gutted/bỏ mang và nội tạng, DR=Dressed/khối lượng thân, FL=Fillet, OT=Others/kiểu khối lượng khác (Describe the type of product/Mô tả cụ thể:.....)				
*2 When the Gear Code is OT, Describe the type of gear/Khi mã ngư cụ là kiểu khác cần mô tả cụ thể:				
6. EXPORTER CERTIFICATION/Chứng nhận cho nhà xuất khẩu: For export to countries that have adopted the ICCAT alternative minimum size for swordfish the exporter must certify that the listed Atlantic swordfish are greater than 15 kg (33 lb.) or if pieces, the pieces were derived from a swordfish weighing >15 kg. Khi xuất khẩu tới những nước đã thông qua quy định về kích thước tối thiểu cho phép khai thác đối với cá Kiếm, nhà xuất khẩu phải chứng nhận rằng cá Kiếm Đại Tây Dương có trong danh sách phải lớn hơn 15 kg (33 lb) hoặc sản phẩm xuất khẩu được làm từ cá Kiếm có khối lượng lớn hơn 15 kg (33lb) I certify that the above information is complete, true and correct to the best of my knowledge and belief. Tôi chứng nhận các thông tin trên là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết của tôi. Name/Tên Address/Địa chỉ Signature/Chữ ký Date/Ngày License #/Cấp phép (If applicable/Nếu có)				

7. GOVERNMENT VALIDATION/Xác nhận của cơ quan thẩm quyền:

I validate that the above information is complete, true and correct to the best of my knowledge and belief. Tôi xác nhận các thông tin trên là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết của tôi.

Total weight of the shipment/Khối lượng của lô hàng: kg

Name & Title/Tên và chức danh Signature/Chữ ký Date/Ngày Government Seal/Đóng dấu

IMPORT SECTION/Phần nhập khẩu:**8. IMPORTER CERTIFICATION/Chứng nhận nhập khẩu:**

I certify that the above information is complete, true and correct to the best of my knowledge and belief. Tôi chứng nhận các thông tin trên là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết của tôi

Importer Certification/Chứng nhận của nhà nhập khẩu (Intermediate Country/Entity/Fishing Entity/Nước trung gian nhập khẩu)

Name/tên Address/địa chỉ Signature/chữ ký Date/ngày License # (If applicable/Nếu có)/Cấp phép

Importer Certification/Chứng nhận của nhà nhập khẩu (Intermediate Country/Entity/Fishing Entity/Nước trung gian nhập khẩu)

Name/tên Address/địa chỉ Signature/chữ ký Date/ngày License # (If applicable/Nếu có)/Cấp phép

Importer Certification/Chứng nhận của nhà nhập khẩu (Final Destination of Shipment/Nước cuối cùng nhập khẩu)

Name/tên Address/địa chỉ Signature/chữ ký Date/ngày License # (If applicable/Nếu có)/Cấp phép

Importer Certification (Final Destination of Shipment)

Final Point of Import/Nơi nhập khẩu cuối cùng: City/Thành phố..... State/Provine/Bang, tỉnh..... Country/Entity/Fishing Entity/Nước nhập khẩu

Mẫu số 05 (Phụ lục III)**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN NGUỒN GỐC THỦY SẢN KHAI THÁC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN NGUỒN GỐC THỦY SẢN KHAI THÁC**

Kính gửi:

Tên đơn vị đề nghị:; Điện thoại:

Địa chỉ:

Giấy ĐKKD số:; Ngày cấp:.....

Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác số: đã được cơ quan cấp ngày tháng năm

Lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận:

.....

.....

Đề nghị cơ quan thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác để lô hàng của chúng tôi đủ điều kiện xuất khẩu theo yêu cầu của.....

Chúng tôi cam đoan về những nội dung trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về thông tin đã kê khai./.

Đại diện chủ hàng*(ký tên, đóng dấu)*

Quy trình số: 07.TTCCTS-SNN

**QUY TRÌNH THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4 ĐỐI VỚI
THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN**

Áp dụng tại cơ quan: Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Quy trình	Đối tượng thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	
			Cấp mới	Cấp lại
Nộp hồ sơ	Người nộp hồ sơ	<p>I. Nộp hồ sơ trực tuyến:</p> <p>1. Truy nhập Công dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) trên mạng internet tại địa chỉ: https://dichvucong.quangbinh.gov.vn.</p> <p>2. Đăng ký/ Đăng nhập vào Hệ thống.</p> <p>3. Chọn cơ quan thực hiện là Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và PTNT. Tại danh sách dịch vụ công lựa chọn dịch vụ công “Thủ tục cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản”.</p> <p>4. Cập nhật, số hóa đầy đủ các thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác thủy sản bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị theo Mẫu số 02.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (<i>biểu mẫu điện tử</i>); + Bản chụp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá và giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đối với loại tàu cá theo quy định phải đăng kiểm (<i>bản chụp/bản scan</i>); + Bản chụp văn bằng hoặc chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá đối với loại tàu cá theo quy định phải có văn bằng hoặc chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá (<i>bản chụp/bản scan</i>). - Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản: <ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (<i>biểu mẫu điện tử</i>); + Bản chính giấy phép khai thác thủy sản đã được cấp, trong trường hợp thay đổi thông tin trong giấy phép (<i>bản chụp/bản scan</i>). 		

		<p>5. Hồ sơ điện tử gửi dưới hình thức khai báo thông tin trên biểu mẫu điện tử (e-form) được cung cấp sẵn hoặc đăng tải các giấy tờ, tài liệu điện tử hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp thành phần hồ sơ có yêu cầu nộp bản điện tử có chữ ký số xác thực: Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và PTNT có nội dung hướng dẫn để công khai ngay trên dịch vụ công trực tuyến được cung cấp, trường hợp bản điện tử chưa có ký số thì hướng dẫn việc đối chiếu hoặc nộp trực tiếp hồ sơ gốc khi đến nhận kết quả hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>6. Đăng ký hình thức nhận kết quả thủ tục hành chính (TTHC): Trực tuyến/hoặc trực tiếp/hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>7. Đăng ký hình thức nhận thông báo về tình hình giải quyết hồ sơ: Thư điện tử (email)/hoặc tin nhắn qua mạng xã hội (Zalo)/hoặc tin nhắn SMS trên điện thoại di động.</p> <p>8. Người nộp hồ sơ được cấp mã để tra cứu tình trạng giải quyết hồ sơ trực tuyến có liên quan.</p> <p>9. Trong quá trình thực hiện dịch vụ công, tổ chức, cá nhân có thể liên hệ qua số điện thoại và hộp thư điện tử của Chi cục Thủy sản được đăng tải kèm theo quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến này để được hướng dẫn, hỗ trợ.</p> <p>II. Nộp hồ sơ trực tiếp:</p> <p>Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và PTNT (Số 03 đường Lê Thành Đông, phường Hải Thành, TP. Đồng Hới, Quảng Bình) hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích theo thành phần hồ sơ và hướng dẫn nêu trên.</p>		
Bước 1	Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa	<p>1. Kiểm tra, hoàn thiện thông tin của người nộp hồ sơ. Xác nhận hình thức nộp hồ sơ: Trực tuyến/hoặc trực tiếp/hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>2. Kiểm tra thành phần hồ sơ điện tử:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, cập nhật, lưu trữ hồ sơ điện tử; chuyển chuyên viên Phòng chuyên môn trực tiếp xử lý, giải quyết hồ sơ; gửi Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ: Tham mưu lãnh đạo Chi cục gửi thông báo cho người nộp, hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu qua Bộ phận một cửa.</p>	4 giờ làm việc	04 giờ làm việc

Bước 2	Cán bộ phòng chuyên môn	Xem xét, thẩm định, giải quyết hồ sơ hành chính điện tử theo quy định của pháp luật. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Tổng hợp toàn bộ hồ sơ và tham mưu dự thảo Giấy phép khai thác thủy sản theo Mẫu số 04.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP trình Lãnh đạo phòng chuyên môn. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Tham mưu văn bản trả lời, nêu rõ lý do và chuyển trả lại hồ sơ cho cán bộ tiếp nhận tại Bộ phận một cửa của Chi cục Thủy sản.	01 ngày làm việc	04 giờ làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn	Xem xét, trình Lãnh đạo Chi cục. - Trường hợp chấp thuận: Trình lãnh đạo Chi cục xem xét, ký duyệt. - Trường hợp không chấp thuận: Trả kết quả xử lý, yêu cầu chuyên viên thụ lý hồ sơ xử lý lại.	01 ngày làm việc	04 giờ làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục	Ký duyệt hồ sơ và chuyển cho chuyên viên phụ trách - Trường hợp chấp thuận: Ký duyệt, trả kết quả Giấy phép khai thác thủy sản. - Trường hợp không chấp thuận: Trả kết quả xử lý, yêu cầu Lãnh đạo chuyên môn xem xét, xử lý lại.	2,5 ngày làm việc	01 ngày làm việc
Bước 5	Cán bộ phòng chuyên môn	Nhận kết quả và chuyển Bộ phận một cửa của Chi cục.	04 giờ làm việc	02 giờ làm việc
Bước 6	Cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa	Xác nhận kết quả chờ trả và thông báo cho cá nhân, tổ chức đã có kết quả TTHC theo hình thức đã đăng ký.	04 giờ làm việc	02 giờ làm việc
Nhận kết quả	Người nộp hồ sơ	- Xuất trình đối chiếu hoặc nộp bản giấy các hồ sơ, văn bản điện tử có yêu cầu xác thực bằng chữ ký số nhưng chưa được ký số khi đến nhận kết quả hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không tính vào thời gian giải quyết	Không tính vào thời gian giải quyết

		<p>- Nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản. Cụ thể:</p> <p>+ Lệ phí cấp mới: 40.000 đồng/lần; + Lệ phí cấp lại: 20.000 đồng/lần.</p> <p>- Nhận kết quả TTHC: Trực tuyến/ hoặc trực tiếp /hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Đồng thời nhận kết quả TTHC bản điện tử tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công.</p>		
		Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính	06 ngày làm việc	03 ngày làm việc

** Đính kèm các biểu mẫu:*

Mẫu số 02.KT**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC THUỶ SẢN

Kính gửi:.....

Họ, tên chủ tàuĐiện thoại:

Số chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Mã số định danh cá nhân:

Nơi thường trú:

Đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp Giấy phép khai thác thủy sản với nội dung như sau:

Tên tàu:; Loại tàu.....

Số đăng ký tàu:

Ngư trường hoạt động.....

Cảng cá đăng ký cập tàu:

Nghề khai thác chính:Nghề phụ:

Tôi/chúng tôi xin cam đoan sử dụng tàu để đánh bắt nguồn lợi thủy sản/hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))*

Mẫu số 03.KT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN

Kính gửi:.....

Tên chủ tàu:.....Điện thoại:.....

Nơi thường trú:

Số chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/mã số định danh cá nhân:.....

Tôi đã được cấp Giấy phép khai thác thủy sản số:...../20.../AA-GPKTTS; cấp ngày. tháng năm; hết thời hạn ngày tháng năm

Đề nghị cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản với lý do (nêu rõ lý do đề nghị cấp lại và gửi kèm theo các giấy tờ chứng minh sự thay đổi thông tin):

.....
.....
.....

Đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản để tôi tiếp tục hoạt động khai thác thủy sản.

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu để khai thác thủy sản đúng nội dung được ghi trong giấy phép và chấp hành đúng các quy định của pháp luật./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))